

**BỘ CÔNG THƯƠNG**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**VIỆN NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC, CHÍNH SÁCH CÔNG THƯƠNG**

**NGUYỄN THỊ HƯỜNG**

**PHÁT TRIỂN CHUỖI CUNG ỨNG RAU AN TOÀN CỦA CÁC  
DOANH NGHIỆP BÁN LẺ TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI**

**Ngành: Kinh doanh Thương mại**

**Mã số: 9.34.01.21**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ**

**Hà Nội – 2025**

**CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI**  
**VIỆN NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC, CHÍNH SÁCH CÔNG THƯƠNG**

Người hướng dẫn khoa học:

1. PGS.TS. Hoàng Thanh Tùng
2. TS. Hồ Trung Thanh

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Viện

Vào hồi:.....ngày.....tháng.... năm 202...

***Có thể tìm hiểu luận án tại:***

**- Thư viện Quốc gia**

**- Thư viện Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách**

**Công Thương**

## PHẦN MỞ ĐẦU

### 1. Lý do lựa chọn đề tài

Hiện nay, vấn đề an toàn thực phẩm đang rất được quan tâm trong đời sống xã hội Việt Nam. Rau an toàn (RAT) là một mặt hàng thực phẩm thiết yếu hàng ngày trong nhu cầu của người dân. Chính vì vậy, việc nghiên cứu phát triển chuỗi cung ứng RAT tại Việt Nam là nhiệm vụ cần thiết, cấp bách, có ý nghĩa về mặt lý luận và thực tiễn.

Về mặt lý luận, các nghiên cứu về khía cạnh phát triển chuỗi cung ứng còn hạn chế, nhất là trong lĩnh vực nông sản với sản phẩm đặc thù là RAT. Việc hệ thống hóa và làm rõ các lý luận về phát triển chuỗi cung ứng RAT tại Việt Nam là vấn đề đặt ra cần nghiên cứu để góp phần thúc đẩy thị trường RAT cũng như phát triển chuỗi cung ứng RAT tại Việt Nam.

Về mặt thực tiễn, trên thế giới và ở Việt Nam đã có những nghiên cứu về chuỗi cung ứng trong lĩnh vực nông sản xuất khẩu, nông sản hữu cơ... chưa có những nghiên cứu sâu về vấn đề phát triển chuỗi cung ứng trên địa bàn Hà Nội.

Trên địa bàn Hà Nội, nhiều liên kết, nhiều chuỗi cung ứng mặt hàng RAT đã hình thành. Các thành phần tham gia chuỗi từ hộ nông dân, hợp tác xã sản xuất đến các nhà thu gom, thương lái, các nhà bán buôn, bán lẻ đều nỗ lực phát huy vai trò của mình để góp phần phát triển chuỗi, phát triển thị trường RAT đầy tiềm năng. Các doanh nghiệp bán lẻ tham gia ngày càng tích cực và giữ vai trò quan trọng trong hoạt động của chuỗi cung ứng RAT. Tuy nhiên, việc phát triển chuỗi cung ứng RAT của các doanh nghiệp bán lẻ (DNBL) còn nhỏ lẻ và mang tính tự phát, chưa đáp ứng được kỳ vọng của các cơ quan quản lý Nhà nước cũng như người tiêu dùng. Nhiều doanh nghiệp bán

lẽ vẫn còn hạn chế về khả năng và nguồn lực, chưa thực sự phát huy được vai trò liên kết các thành viên trong chuỗi để cung cấp được sản phẩm RAT đảm bảo về số lượng, chất lượng, giá cả phải chăng khi đến tay người tiêu dùng.

Vấn đề đặt ra đối với chuỗi cung ứng rau an toàn trên địa bàn Hà Nội là: Sản xuất RAT đảm bảo tiêu chuẩn ATTP; Quá trình thu hoạch, đóng gói, bảo quản, vận chuyển của sản phẩm đặc thù là RAT trong chuỗi cung ứng; Phát huy vai trò của doanh nghiệp trung tâm, nhất là các doanh nghiệp bán lẻ trong chuỗi với tư cách trực tiếp kiểm soát đầu ra; Nâng cao giá trị gia tăng cho chuỗi; Phát triển chuỗi theo cả chiều dọc và chiều ngang, từ đó đảm bảo sản phẩm RAT đến tay người tiêu dùng vừa tươi ngon, sẵn có vừa đầy đủ các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm.

Xuất phát từ những lý do trên, nghiên cứu sinh quyết định lựa chọn đề tài của luận án là *“Phát triển chuỗi cung ứng rau an toàn của các doanh nghiệp bán lẻ trên địa bàn Hà Nội”*.

## **2. Tổng quan tình hình nghiên cứu có liên quan đến luận án**

### **2.1. Các nghiên cứu liên quan đến chuỗi cung ứng, chuỗi cung ứng RAT**

Tiêu biểu là các nghiên cứu về chuỗi cung ứng của Christopher (1992), Ganeshan và nnk. (1995), Lambert (2008), Beamon (1999), Chopra & Meindl (2007), An Thị Thanh Nhân (2021), Saurav & Neeraj (2015), Đào Thế Anh và nnk. (2017), Trương Đức Lực (2017), Lê Đức Công (2018), Lê Thị Minh Hằng (2018), Lê Đình Hải (2018), Phan Văn Hòa và nnk. (2019), Nguyễn Thị Thanh Huyền (2020), Trương Đình Chiến (2020).

### **2.2. Các nghiên cứu liên quan đến các nhân tố ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng, chuỗi cung ứng rau an toàn**

Tiêu biểu là nghiên cứu của Michael Hugos (2003) và David Blanchard (2010), Douglas và nnk. (1998), Henry và nnk. (2011), Saurav & Neeraj (2015), Gentjan Mehmeti và nnk. (2016), Huỳnh Thị Phương Lan và nnk. (2013), Phạm Minh (2018), Nguyễn Thị Thanh Huyền (2020), Nguyễn Thị Thu Hà (2021).

### ***2.3. Các nghiên cứu liên quan đến đánh giá cơ hội, thách thức đối với phát triển chuỗi cung ứng rau an toàn***

Tiêu biểu là nghiên cứu của Trần Thị Ba (2008), Doris và nnk. (2009), Phan Thị Như Hòa và nnk. (2012), Lê Đức Công (2018), Trương Đình Chiến (2020),... Các nghiên cứu cho thấy vấn đề phát triển chuỗi cung ứng nói chung cũng như chuỗi cung ứng RAT liên quan trực tiếp tới các thành phần trong chuỗi hay các khâu trong quá trình tạo ra sản phẩm và mang tới tay người tiêu dùng cuối cùng và các mối liên kết giữa các thành phần trong chuỗi.

Các nghiên cứu của Lê Thị Minh Hằng (2018), Nguyễn Thu Trang (2015), Đào Thế Anh và nnk. (2017), Lê Đức Công (2018), Đỗ Thị Nâng (2023),... đã chỉ ra những thuận lợi, khó khăn cũng như cơ hội, thách thức với việc phát triển chuỗi cung ứng RAT.

### ***2.4. Bình luận tổng quát và khoảng trống nghiên cứu***

#### ***Khoảng trống nghiên cứu của luận án:***

- Các lý luận về phát triển chuỗi cung ứng chưa đề cập rõ nét và hình thành nên các lý luận cụ thể. Các nghiên cứu về chuỗi cung ứng hầu như chưa đi vào nội hàm vấn đề phát triển chuỗi cung ứng.

- Nội dung các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển của chuỗi cung ứng RAT chưa được đi sâu nghiên cứu.

- Các nghiên cứu còn rời rạc, đơn lẻ, chưa có sự kết hợp nghiên cứu định tính, định lượng trong việc xác lập mô hình, thang đo về các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển của chuỗi cung ứng RAT trên địa

bàn Hà Nội.

- Các nghiên cứu chưa thực sự đi sâu nghiên cứu vai trò trung tâm điều phối của doanh nghiệp bán lẻ trong chuỗi cung ứng RAT trên địa bàn Hà Nội.

### **3. Mục tiêu, nhiệm vụ và câu hỏi nghiên cứu của luận án**

#### **3.1. Mục tiêu nghiên cứu**

Đề xuất các giải pháp phát triển chuỗi cung ứng RAT của các doanh nghiệp bán lẻ trên địa bàn Hà Nội trên cơ sở phân tích thực trạng sự phát triển chuỗi cung ứng RAT của các doanh nghiệp bán lẻ và các nhân tố ảnh hưởng tới chuỗi cung ứng RAT của các doanh nghiệp bán lẻ trên địa bàn Hà Nội.

#### **3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về chuỗi cung ứng, phát triển chuỗi cung ứng RAT của các doanh nghiệp bán lẻ.

- Nghiên cứu và tổng hợp kinh nghiệm về phát triển chuỗi cung ứng RAT tại Việt Nam và trên thế giới

- Thu thập và xử lý dữ liệu sơ cấp và thứ cấp để cung cấp minh chứng phục vụ phân tích đánh giá thực trạng phát triển chuỗi cung ứng RAT của các doanh nghiệp bán lẻ.

- Phân tích thực trạng phát triển chuỗi cung ứng RAT của các doanh nghiệp bán lẻ trên địa bàn Hà Nội theo 5 nội dung: Tối ưu về cấu trúc chuỗi cung ứng rau an toàn; Phát triển về quy mô và mạng lưới chuỗi cung ứng rau an toàn; Nâng cao giá trị gia tăng trong chuỗi cung ứng RAT; Tăng cường sự liên kết giữa các thành viên trong chuỗi cung ứng RAT; Nâng cao vị thế của doanh nghiệp bán lẻ trong chuỗi cung ứng RAT.

- Xây dựng mô hình các nhân tố ảnh hưởng và kiểm định sự tác động của các nhân tố này đến phát triển chuỗi cung ứng RAT của

các doanh nghiệp bán lẻ trên địa bàn Hà Nội.

- Đề xuất một số giải pháp có luận cứ khoa học và thực tiễn để phát triển chuỗi cung ứng RAT của các doanh nghiệp bán lẻ trên địa bàn Hà Nội.

### **3.3. Câu hỏi nghiên cứu**

- Thực trạng phát triển chuỗi cung ứng RAT của các DNBL trên địa bàn Hà Nội hiện nay như thế nào? Chuỗi cung ứng RAT đang được tổ chức, vận hành và liên kết ra sao giữa các tác nhân trong chuỗi?

- Những nhân tố nào ảnh hưởng đến sự phát triển của chuỗi cung ứng RAT của các DNBL tại Hà Nội? Các nhân tố này tác động theo cơ chế nào và mức độ ảnh hưởng ra sao?

- Vai trò của DNBL trong việc dẫn dắt, điều phối và tạo giá trị gia tăng cho chuỗi cung ứng RAT được thể hiện như thế nào? DNBL đóng góp gì trong việc kết nối nhu cầu thị trường với hoạt động sản xuất và cung ứng?

- Những hạn chế, thách thức và vấn đề đặt ra đối với sự phát triển của chuỗi cung ứng RAT của các DNBL trên địa bàn Hà Nội là gì?

- Cần có những giải pháp nào để phát triển chuỗi cung ứng RAT của các DNBL tại Hà Nội, dựa trên thực trạng chuỗi và các nhân tố ảnh hưởng đã được xác định?

## **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án**

**Đối tượng nghiên cứu:** Đối tượng nghiên cứu chính của luận án là những vấn đề lý luận và thực tiễn về phát triển chuỗi cung ứng RAT của các doanh nghiệp bán lẻ.

### **Phạm vi nghiên cứu:**

- Về nội dung: Nghiên cứu sự phát triển chuỗi cung ứng RAT của các doanh nghiệp bán lẻ trên địa bàn Hà Nội theo 5 nội dung. Từ

đề xuất giải pháp phát triển mô hình chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp bán lẻ trong lĩnh vực RAT trên địa bàn Hà Nội.

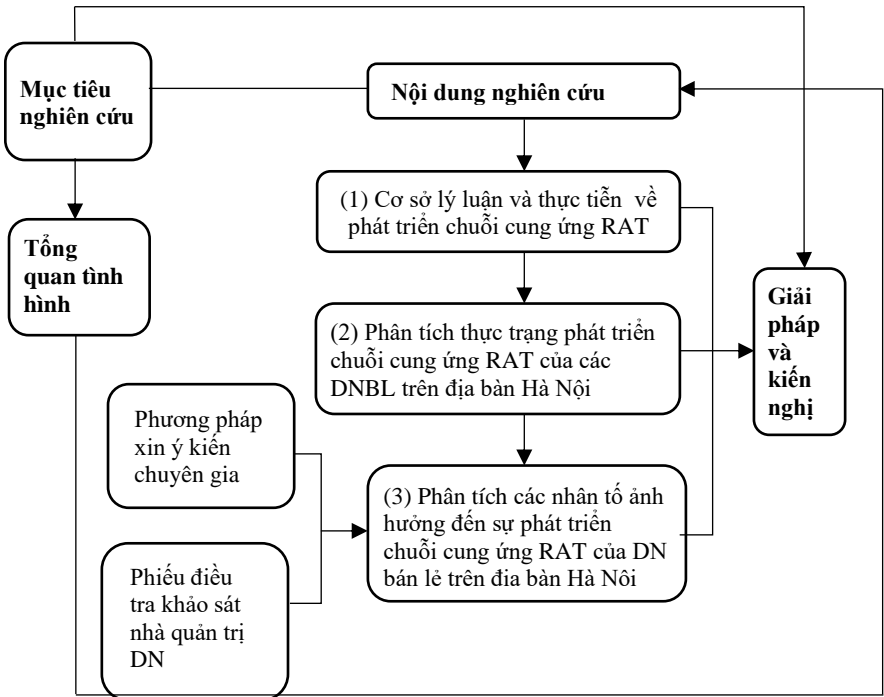
- Về không gian: nghiên cứu được thực hiện với các DNBL trong chuỗi cung ứng RAT trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Về thời gian: Các dữ liệu thứ cấp được thu thập trong giai đoạn 2018- 2025, các dữ liệu sơ cấp được thu thập & điều tra trong giai đoạn 2022 - 2024, dự báo cho năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045.

## 5. Phương pháp nghiên cứu

### 5.1. Khung nghiên cứu của luận án

**Hình 1: Khung nghiên cứu của luận án**



(Nguồn: đề xuất của tác giả)

## **5.2. Phương pháp nghiên cứu cụ thể**

- Phương pháp nghiên cứu tại bàn để thu thập, tổng hợp và phân tích các thông tin, dữ liệu thứ cấp.

- Phương pháp phỏng vấn chuyên gia: trao đổi, thảo luận trực tiếp không cấu trúc để hoàn thiện phiếu khảo sát.

- Phương pháp điều tra xã hội học: thông qua phiếu khảo sát thu thập dữ liệu sơ cấp về các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển chuỗi cung ứng RAT của các DNBL trên địa bàn Hà Nội.

- Phương pháp thống kê, tổng hợp và phân tích để đánh giá vấn đề làm căn cứ đưa ra giải pháp.

Luận án còn sử dụng công cụ thống kê là phần mềm AMOS để kiểm định dữ liệu điều tra khảo sát về các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển chuỗi cung ứng RAT.

## **6. Những đóng góp của luận án**

### **6.1. Đóng góp về lý luận**

- Luận án hệ thống hoá, làm rõ và bổ sung cơ sở lý luận về nội hàm phát triển chuỗi cung ứng RAT của các DNBL; làm rõ các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển chuỗi cung ứng RAT của các DNBL.

- Từ đó, cung cấp cơ sở cho việc hình thành khung lý thuyết khi phân tích, đánh giá về sự phát triển chuỗi cung ứng RAT cũng như chuỗi cung ứng các sản phẩm nông sản của Việt Nam.

### **6.2. Đóng góp về thực tiễn**

- Luận án đã chỉ ra những mặt tích cực và hạn chế của hoạt động phát triển chuỗi cung ứng RAT của các doanh nghiệp bán lẻ trên địa bàn Hà Nội làm căn cứ cho việc đề xuất các giải pháp, chính sách phát triển chuỗi cung ứng RAT của các doanh nghiệp bán lẻ.

- Luận án đã áp dụng mô hình phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển chuỗi cung ứng RAT của các doanh nghiệp bán lẻ, tiến hành kiểm định làm nổi bật thực trạng sự phát triển và mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến sự phát triển của chuỗi cung ứng RAT của các doanh nghiệp bán lẻ trên địa bàn Hà Nội.

- Luận án đề xuất các giải pháp phát triển chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp bán lẻ trong lĩnh vực RAT trên địa bàn Hà Nội trong giai đoạn từ nay đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

## **CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ PHÁT TRIỂN CHUỖI CUNG ỨNG RAU AN TOÀN CỦA CÁC DOANH NGHIỆP BÁN LẺ**

### **1.1. Khái quát về chuỗi cung ứng và chuỗi cung ứng rau an toàn của các doanh nghiệp bán lẻ**

#### **1.1.1. Chuỗi cung ứng**

*Chuỗi cung ứng đề cập đến trong đề tài này là hoạt động của các doanh nghiệp hoặc tổ chức tham gia trực tiếp và gián tiếp vào các quá trình tạo ra, duy trì và phân phối một loại sản phẩm nào đó cho thị trường hay nói cách khác là hoạt động của các đối tượng liên quan từ mua nguyên vật liệu, sản xuất sản phẩm đến phân phối cho người tiêu dùng cuối cùng.*

#### **1.1.2. Doanh nghiệp bán lẻ**

Doanh nghiệp bán lẻ là tổ chức hợp pháp được nhà nước cấp phép hoạt động kinh doanh, có chức năng thu mua, nhập sản phẩm từ một hoặc nhiều doanh nghiệp sản xuất khác nhau, các đại lý phân phối và bán lại cho người tiêu dùng nhỏ lẻ, doanh thu sẽ được hưởng từ mức chênh lệch giữa giá nhập hàng và giá bán hàng. DNBL có thể áp dụng nhiều kênh phân phối bán hàng khác nhau để tăng khả năng mở

rộng thị trường sao cho bán được nhiều hàng nhất. Bên cạnh đó, DNBL cũng có thể vừa là nhà sản xuất vừa là nhà bán lẻ sản phẩm.

### **1.1.3. Rau an toàn và chuỗi cung ứng rau an toàn của các doanh nghiệp bán lẻ**

*RAT được hiểu là rau được sản xuất, thu hoạch, bảo quản theo các quy định an toàn vệ sinh thực phẩm, đặc biệt về giới hạn dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, hóa chất, kìm loại nặng, vi sinh vật gây hại.*

*Chuỗi cung ứng RAT của các doanh nghiệp bán lẻ là chuỗi cung ứng bao gồm các hoạt động của các thành phần có liên quan từ giai đoạn đầu vào cho đến giai đoạn cung cấp sản phẩm RAT tận tay người tiêu dùng, trong đó doanh nghiệp bán lẻ với hệ thống cửa hàng bán lẻ giữ vai trò trung tâm trong việc đáp ứng tốt nhất nhu cầu về sản phẩm RAT cho khách hàng người tiêu dùng cuối cùng. Như vậy, chuỗi cung ứng RAT của DNBL là sự liên kết các thành viên tham gia vào mạng lưới của nhà bán lẻ để tối ưu hóa cung ứng RAT cho thị trường. Chuỗi cung ứng RAT của DNBL là chuỗi cung ứng do DNBL là chủ thể đàm phán (“Focal firm”).*

### **1.1.4. Phát triển chuỗi cung ứng rau an toàn và vai trò của doanh nghiệp bán lẻ trong chuỗi cung ứng rau an toàn**

*Phát triển chuỗi cung ứng RAT của DNBL là quá trình hoàn thiện và tối ưu hóa các hoạt động, các mối quan hệ giữa các thành phần trong chuỗi cung ứng RAT, trong đó DNBL giữ vai trò trung tâm nhằm đảm bảo sản phẩm rau an toàn được sản xuất, phân phối và tiêu thụ hiệu quả. Hay phát triển chuỗi cung ứng rau an toàn của DNBL là tác động của nhà bán lẻ vào các liên kết và cấu trúc chuỗi cung ứng để tối ưu hóa giá trị chuỗi cung ứng theo thời gian.*

Vai trò của DNBL trong chuỗi cung ứng RAT: Mang lại lợi ích và giá trị gia tăng cho chuỗi cung ứng; Kiểm soát chất lượng; Giáo

dục và tư vấn; Kết nối và tăng cường sự hợp tác giữa các thành viên trong chuỗi

## **1.2. Nội dung phát triển chuỗi cung ứng rau an toàn của các doanh nghiệp bán lẻ**

### ***1.2.1. Tối ưu về cấu trúc chuỗi cung ứng rau an toàn***

Tối ưu cấu trúc chuỗi cung ứng là việc xác định rõ các thành phần trong chuỗi cung ứng, xây dựng và điều chỉnh mô hình cấu trúc chuỗi cung ứng RAT theo hướng giảm bớt các thành phần, chuyển từ truyền thống sang hiện đại, góp phần giảm chi phí, nâng cao giá trị gia tăng trong chuỗi cung ứng.

### ***1.2.2. Phát triển về quy mô và mạng lưới chuỗi cung ứng RAT***

Gia tăng số lượng mỗi thành phần tham gia chuỗi cung ứng rau an toàn; Mở rộng phạm vi không gian chuỗi cung ứng rau an toàn

### ***1.2.3. Nâng cao giá trị gia tăng trong chuỗi cung ứng rau an toàn***

Nâng cao GTGT ở từng khâu trong chuỗi cung ứng RAT: trong từng khâu cần lưu ý để có thể tăng giá trị, sản lượng, doanh thu, lợi nhuận và giảm các khoản chi phí đầu vào, chi phí vận hành trong từng khâu.

### ***1.2.4. Tăng cường sự liên kết giữa các thành viên trong chuỗi cung ứng rau an toàn***

Tăng cường liên kết các thành phần tham gia chuỗi cung ứng theo chiều dọc; Tăng cường liên kết các thành phần tham gia chuỗi cung ứng theo chiều ngang.

### ***1.2.5. Nâng cao vị thế của doanh nghiệp bán lẻ trong chuỗi cung ứng rau an toàn***

Nâng cao: Quyền lực thị trường và khả năng chi phối chuỗi; Uy tín thương hiệu và niềm tin của người tiêu dùng; Khả năng kết nối

và hợp tác trong chuỗi; Trình độ tổ chức, quản trị chuỗi và đổi mới công nghệ

### 1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển chuỗi cung ứng RAT

#### 1.3.1. Các quan điểm về nhân tố ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng

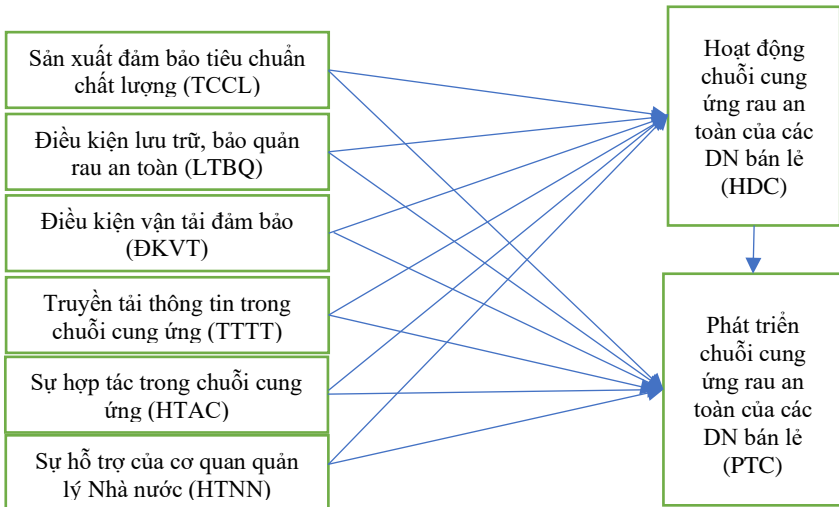
Các nhân tố ảnh hưởng đó được chia thành ba nhóm chính:

- Thứ nhất, nhân tố ảnh hưởng là các thành phần trong chuỗi tham gia trực tiếp vào các hoạt động trong chuỗi cung ứng.

- Thứ hai, nhân tố ảnh hưởng là những mối liên hệ hợp tác trong chuỗi cung ứng.

- Thứ ba, các nhân tố bên ngoài chuỗi nhưng có những ảnh hưởng nhất định đến hoạt động cũng như sự phát triển của chuỗi.

#### 1.3.2. Mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển chuỗi cung ứng rau an toàn của các doanh nghiệp bán lẻ



**Hình 1.2. Mô hình nghiên cứu đề xuất**

(Nguồn: đề xuất của tác giả)

## **1.4. Kinh nghiệm về phát triển chuỗi cung ứng rau an toàn tại Việt Nam và trên thế giới**

### **1.4.1. Phát triển chuỗi cung ứng rau an toàn tại một số tỉnh thành của Việt Nam**

*Kinh nghiệm về chuỗi cung ứng RAT của một số DNBL trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; thành phố Cần Thơ;*

### **1.4.2. Phát triển chuỗi cung ứng rau an toàn của các doanh nghiệp bán lẻ tại một số quốc gia trên thế giới**

*Kinh nghiệm từ Nhà bán lẻ Walmart (Mỹ); Kinh nghiệm từ Tập đoàn bán lẻ Tesco (Anh).*

### **1.4.3. Bài học kinh nghiệm về phát triển chuỗi cung ứng rau an toàn của các doanh nghiệp bán lẻ trên địa bàn Hà Nội**

Hoàn thiện chuỗi cung ứng toàn diện và liên kết chặt chẽ; Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ và nâng cao chất lượng sản phẩm; Đa dạng hóa kênh phân phối và phát triển nền tảng số; Tăng cường năng lực và hỗ trợ sản xuất; Nâng cao nhận thức cộng đồng.

## **CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN CHUỖI CUNG ỨNG RAU AN TOÀN CỦA CÁC DOANH NGHIỆP BÁN LẺ TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI**

### **2.1. Thị trường rau an toàn trên địa bàn Hà Nội**

#### **2.1.1. Đặc điểm về kinh tế, xã hội, tự nhiên của thành phố Hà Nội**

Hà Nội là thủ đô của Việt Nam, là một thành phố sầm uất, đông dân cư, nhu cầu tiêu thụ rau củ và nhất là RAT ở thị trường Hà Nội là rất lớn.

GRDP khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2024 trên địa bàn TP Hà Nội đạt 42.721 tỷ đồng, tăng 2,52% so với cùng kỳ năm 2023. Ngành nông, lâm, thủy sản tuy tăng trưởng còn khiêm tốn nhưng

vẫn thể hiện sự ổn định và phục hồi đảm bảo an sinh, nguồn cung lương thực cũng như thúc đẩy xuất khẩu.

Số liệu tổng điều tra năm 2024, dân số Hà Nội ước đạt 8.718.000. người tiêu dùng Hà Nội, nhất là khu vực đô thị đang ưu tiên các sản phẩm rõ nguồn gốc, nhãn chứng nhận xanh, chấp nhận giá cao hơn cho rau sạch.

### ***2.1.2. Đặc điểm về thị trường rau an toàn của thành phố Hà Nội***

Nhu cầu rau của thị trường Hà Nội: rất lớn (khoảng 107.000 tấn/tháng, tương đương khoảng 1,284 triệu tấn/năm). Trong khi đó, sản lượng sản xuất của thành phố năm 2024 là 745.245 tấn, chỉ đáp ứng 58% về số lượng và chủng loại rau quả chính vụ.

Tình hình sản xuất RAT của TP.Hà Nội: năm 2024, tổng diện tích trồng rau trên địa bàn Hà Nội là 33.954ha, Lực lượng sản xuất RAT Hà Nội chủ yếu vẫn là các hộ gia đình và các Hợp tác xã ở các huyện ngoại thành Hà Nội.

### ***2.1.3. Chính sách của Nhà nước về kinh doanh sản phẩm RAT***

Chính sách tín dụng và đầu tư; Chính sách hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm; Chính sách hỗ trợ sự liên kết.

## **2.2. Thực trạng phát triển chuỗi cung ứng rau an toàn của các doanh nghiệp bán lẻ trên địa bàn Hà Nội**

### ***2.2.1. Tối ưu về cấu trúc chuỗi cung ứng RAT trên địa bàn Hà Nội***

*Tối ưu về cấu trúc chuỗi cung ứng rau an toàn:* Cấu trúc chuỗi cung ứng RAT trên địa bàn Hà Nội phát triển theo hướng ngày càng rút ngắn, chuyển từ cấu trúc truyền thống sang cấu trúc hiện đại.

### ***2.2.2. Phát triển về quy mô và mạng lưới chuỗi cung ứng rau an toàn trên địa bàn Hà Nội***

- Sự gia tăng về số lượng chuỗi và số lượng mỗi thành phần trong chuỗi cung ứng rau an toàn: Sự gia tăng về số lượng chuỗi cung

ứng RAT; Gia tăng thành phần sản xuất qua hoạt động đầu tư vào khâu sản xuất; Chú trọng vào khâu phân phối; Thúc đẩy ở khâu tiêu thụ

- *Quá trình mở rộng phạm vi không gian chuỗi cung ứng rau an toàn trên địa bàn Hà Nội:* diễn ra đồng thời với các xu hướng đô thị hóa, thay đổi hành vi tiêu dùng và chủ trương của thành phố về phát triển nông nghiệp bền vững.

### ***2.2.3. Nâng cao giá trị gia tăng trong chuỗi cung ứng rau an toàn trên địa bàn Hà Nội***

\* **Khâu sản xuất:** ứng dụng công nghệ cao, sản xuất RAT theo tiêu chuẩn VietGap, hữu cơ, từ đó đã hình thành nhiều vùng RAT có thương hiệu, chất lượng, mang lại giá trị gia tăng, thu nhập cao cho người nông dân.

\* **Khâu thu gom, sơ chế, bảo quản:** thực hiện tốt khâu chế biến, bảo quản mặt hàng RAT góp phần quan trọng trong việc nâng cao GTGT. Đóng gói, gắn nhãn mác rõ ràng giúp gia tăng giá trị sản phẩm, dễ tiêu thụ tại siêu thị, cửa hàng tiện lợi.

\* **Khâu phân phối:** RAT được bán tại hệ thống siêu thị, cửa hàng tiện lợi, sàn thương mại điện tử... của các doanh nghiệp bán lẻ có thương hiệu và uy tín tạo ra kênh tiêu thụ ổn định, giá thường cao hơn.

\* **Khâu tiêu dùng:** Phần lớn GTGT vẫn thuộc về các kênh bán lẻ, trong khi nông dân được hưởng thêm không nhiều.

### ***2.2.4. Tăng cường liên kết giữa các thành viên chuỗi cung ứng rau an toàn trên địa bàn Hà Nội***

- *Tăng cường liên kết giữa các thành viên theo chiều dọc trong chuỗi cung ứng rau an toàn trên địa bàn Hà Nội:* liên kết chặt chẽ của các thành viên trong cấu trúc chuỗi cung ứng RAT Hà Nội theo kiểu hiện đại; từ nhà sản xuất đến nhà bán lẻ đều dần hình thành các nhóm zalo, facebook, email...

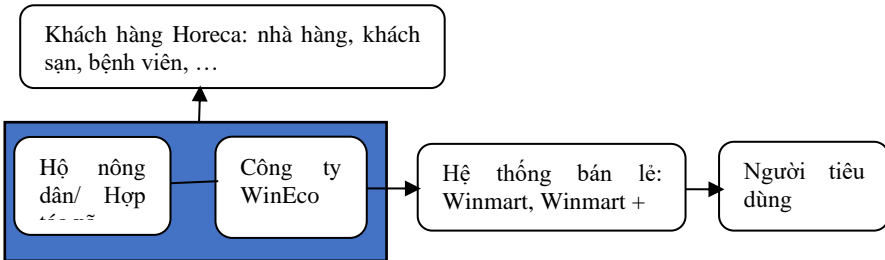
- *Tăng cường liên kết theo chiều ngang trong chuỗi cung ứng rau an toàn trên địa bàn Hà Nội:* Liên kết giữa các HTX, tổ hợp tác và hộ nông dân theo địa bàn; Liên kết đồng tiêu thụ của các doanh nghiệp bán lẻ; Các nhà sản xuất hợp tác với doanh nghiệp logistics địa phương; Hợp tác với cơ quan nông nghiệp.

### **2.2.5. Nâng cao vị thế của doanh nghiệp bán lẻ trong chuỗi cung ứng rau an toàn trên địa bàn Hà Nội**

DNBL tại Hà Nội ngày càng đóng vai trò chủ đạo trong chuỗi. DNBL có quyền lực thị trường và khả năng chi phối nhờ mạng lưới rộng, nguồn lực tài chính, và kênh phân phối hiện đại. DN bán lẻ sở hữu uy tín thương hiệu và lòng tin của người tiêu dùng, yếu tố rất quan trọng trong phân khúc RAT. DNBL áp dụng quản trị chuỗi hiện đại và đổi mới công nghệ, củng cố vị thế dẫn dắt.

## **2.3. Thực trạng phát triển chuỗi cung ứng rau an toàn của một số doanh nghiệp bán lẻ điển hình trên địa bàn Hà Nội**

### **2.3.1. Chuỗi cung ứng rau an toàn của WinCommerce (WCM)/ WinEco**



**Hình 2.4. Mô hình chuỗi cung ứng RAT của WinCommerce/ WinEco**

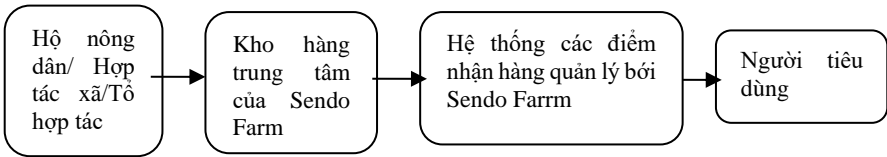
*(Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo thường niên của tập đoàn Masan)*

Theo mô hình chuỗi cung ứng RAT của WinCommerce/ WinEco bao gồm các thành phần là Nhà sản xuất là Công ty WinEco và một số đối tác hộ nông dân/HTX; Hệ thống bán lẻ là chuỗi các siêu

thị, của hàng Winmart, Winmart+, Win thuộc công ty Wincommerce (Công ty WinEco và WinCommerce đều thuộc tập đoàn Masan); khách hàng Horeca là hệ thống các bệnh viện, trường học, bếp ăn tập thể có yêu cầu cao về sản phẩm RAT với chất lượng và ATTP.

### 2.3.2. Chuỗi cung ứng rau an toàn của Sendo Farm

*Mô hình chuỗi cung ứng RAT của Sendo Farm:*



**Hình 2.5. Mô hình chuỗi cung ứng RAT của Sendo Farm**

*(Nguồn: Tổng hợp từ công ty cổ phần công nghệ Sendo)*

Theo mô hình chuỗi cung ứng RAT của Sendo Farm bao gồm các thành phần là Nhà sản xuất là các hộ nông dân, HTX hay THT cung cấp các sản phẩm RAT; Nhà phân phối là Sendo Farm với hệ thống vận tải và kho hàng trung tâm tiếp nhận các sản phẩm RAT có sự kiểm soát chất lượng, rồi trung chuyển tới các điểm nhận hàng (đều phải có tủ mát và tủ đông để bảo quản sản phẩm tươi sống), khách hàng – người tiêu dùng đến điểm nhận hàng hoặc được giao tận nhà (tùy theo điểm nhận hàng). Theo mô hình chuỗi cung ứng này, khách hàng sẽ chọn đặt hàng trên ứng dụng và thanh toán ngay khi đặt hàng, ngày hôm sau khách hàng sẽ nhận sản phẩm đã đặt tại điểm nhận hàng ngay gần nơi mình sinh sống.

## 2.4. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển chuỗi cung ứng rau an toàn của các doanh nghiệp bán lẻ trên địa bàn Hà Nội

### 2.4.1. Mô tả mẫu nghiên cứu chính thức

Trong tổng số 450 phiếu khảo sát được gửi đi, kết quả thu về 425 phiếu trong đó do đã sàng lọc và lựa chọn đối tượng khảo sát và trả lời trực tiếp trên Google biểu mẫu nên cả 425 phiếu đều đảm bảo hợp lệ được sử dụng làm dữ liệu cho quá trình nghiên cứu.

#### **2.4.2. Kết quả kiểm định mối quan hệ tác động**

- Kết quả thống kê mô tả
- Đánh giá chất lượng và độ tin cậy của thang đo
- Kiểm định mô hình và giả thuyết nghiên cứu

\* Kết quả kiểm định mô hình và các giả thuyết nghiên cứu bằng mô hình cấu trúc tuyến tính SEM và kiểm định sự tác động khác biệt của các nhân tố định tính cho thấy tất cả các giả thuyết đều được chấp nhận.

- Các biến độc lập tác động vào hoạt động chuỗi giải thích được 52,9% sự biến thiên của biến này.
- Các biến độc lập tác động vào phát triển chuỗi giải thích được 64,7% sự biến thiên của biến này.

### **2.5. Đánh giá chung về thực trạng phát triển chuỗi cung ứng rau an toàn của các doanh nghiệp bán lẻ trên địa bàn Hà Nội**

#### **2.5.1. Những kết quả đạt được**

(i) Cấu trúc chuỗi cung ứng RAT của các doanh nghiệp bán lẻ trên địa bàn Hà Nội ngày càng được rút ngắn. Chuỗi cung ứng này cũng có xu hướng chuyển từ truyền thống sang hiện đại.

(ii) Số lượng chuỗi cung ứng RAT trên địa bàn Hà Nội đều có sự tăng lên sau mỗi năm.

(iii) Giá trị gia tăng trong chuỗi cung ứng RAT ngày một nâng cao trong giá trị sản phẩm tại tất cả các khâu sản xuất, thu hái, bảo quản, phân phối và tiêu dùng tuy nhiên chưa nhiều.

(iv) Hoạt động tăng cường liên kết giữa các thành viên trong chuỗi cung ứng theo chiều dọc cho thấy mỗi liên kết ngày càng chặt chẽ.

(v) Hoạt động tăng cường liên kết theo chiều ngang trong chuỗi cung ứng RAT cũng mở ra rất đa dạng.

(vi) Doanh nghiệp bán lẻ ngày càng nâng cao vị thế, phát huy vai trò điều phối trong chuỗi cung ứng RAT trên địa bàn Hà Nội.

### **2.5.2. Những tồn tại và hạn chế**

(i) Cấu trúc chuỗi cung ứng RAT Hà Nội qua nhiều khâu trung gian, giá cả do nhà bán buôn quyết định; Chuỗi cung ứng rau theo kiểm truyền thống vẫn giữ vai trò thiết yếu.

(ii) Sản xuất RAT ở Hà Nội mới ở quy mô nhỏ, chủ yếu là các nhóm hộ liên kết; HTX.

(iii) Trong chuỗi cung ứng RAT Hà Nội theo kiểu truyền thống, mối quan hệ giữa các thành viên vẫn còn lỏng lẻo, rời rạc.

(iv) Chuỗi cung ứng RAT của các doanh nghiệp bán lẻ trên địa bàn Hà Nội chưa mang lại nhiều giá trị gia tăng.

(v) Hoạt động chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ RAT chưa hoàn chỉnh, quy mô liên kết nhỏ, sản lượng thấp, việc liên kết giữa các doanh nghiệp với nhà sản xuất đôi khi còn lỏng lẻo, dẫn tới tình trạng phá hợp đồng thường xuyên xảy ra.

(vi) Hoạt động nâng cao vị thế của doanh nghiệp bán lẻ trong chuỗi cung ứng rau an toàn trên địa bàn Hà Nội ngày càng được thúc đẩy, tuy nhiên chỉ một số doanh nghiệp bán lẻ với tiềm lực lớn mới phát huy. Còn lại đa số các DN bán lẻ với quy mô nhỏ, vai trò điều phối chuỗi cung ứng RAT trên địa bàn Hà Nội chưa phát huy được.

### **2.5.3. Nguyên nhân của những hạn chế**

Nguyên nhân chủ quan: Tư duy làm ăn nhỏ lẻ của người Việt, chỉ tham gia vào một phần, đầu tư một phần để tránh rủi ro cao; Thái

quen của người tiêu dùng Việt Nam vẫn là đi chợ mua rau và các thực phẩm thiết yếu, có thể mặc cả về giá, quan tâm về giá nhiều hơn là về chất lượng; Người nông dân sản xuất rau vẫn có tâm lý ngại thay đổi, ngại đầu tư, chưa sẵn sàng để thực hiện theo các tiêu chuẩn của VietGAP; Người nông dân và HTX còn hạn chế về năng lực quản trị, còn ít vốn. Sự hợp tác của các thành phần trong chuỗi truyền thống chưa chặt chẽ.

Nguyên nhân khách quan: cạnh tranh mạnh mẽ của rau đại trà với RAT; Người tiêu dùng ven đô thu nhập còn thấp nên cân nhắc khi mua RAT; Niềm tin của người tiêu dùng chưa thực sự vững chắc về chất lượng RAT; Nhà nước có các chính sách hỗ trợ nhưng chưa thực sự hữu hiệu do chưa có cơ chế hướng dẫn cụ thể, rõ ràng, kịp thời.

### **CHƯƠNG 3. GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CHUỖI CUNG ỨNG RAU AN TOÀN CỦA CÁC DOANH NGHIỆP BÁN LẺ TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI**

#### **3.1. Phương hướng phát triển thị trường rau an toàn trên địa bàn Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

Nghị quyết số 15-NQ/TW đặt mục tiêu đến năm 2030, Thủ đô Hà Nội là Thành phố "Văn hiến - Văn minh - Hiện đại".

Về tầm nhìn đến năm 2045, Thủ đô Hà Nội là thành phố kết nối toàn cầu, có mức sống và chất lượng cuộc sống cao, với GRDP/người đạt trên 36.000 USD; kinh tế, văn hoá, xã hội phát triển toàn diện, đặc sắc và hài hoà; tiêu biểu cho cả nước; có trình độ phát triển ngang tầm thủ đô các nước phát triển trong khu vực và trên thế giới.

*Cụ thể đối với lĩnh vực nông nghiệp:* Tập trung cơ cấu lại, nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, phát triển nông nghiệp sinh thái, công nghệ cao; Ưu tiên xây dựng vành đai xanh, bảo đảm môi trường sống. Chú trọng phát triển công nghệ giống, công nghệ bảo quản, chế biến sau thu hoạch, gắn với phát triển thị trường tiêu thụ.

Mục tiêu đến năm 2045, Hà Nội sẽ là điểm sáng về nông nghiệp xanh, công nghệ cao, có nền nông nghiệp sạch – thông minh, phù hợp xu hướng phát triển bền vững.

*Đối với thị trường RAT trên địa bàn Hà Nội: phát triển nguồn cung, phát triển thị trường.*

### **3.2. Quan điểm và mục tiêu phát triển chuỗi cung ứng rau an toàn trên địa bàn Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

#### ***3.2.1. Quan điểm phát triển chuỗi cung ứng rau an toàn trên địa bàn Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045***

Phát triển theo chuỗi giá trị liên kết; Ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số; Kết nối vùng sản xuất – thị trường Hà Nội; Hướng tới chuyển đổi kép trong chuỗi cung ứng RAT

#### ***3.2.2. Mục tiêu phát triển chuỗi cung ứng rau an toàn trên địa bàn Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn 2045***

\* **Mục tiêu cụ thể đến năm 2030:** Tăng diện tích trồng RAT lên 9.000 ha; Nhu cầu rau an toàn tại Hà Nội đến 2030 khoảng 1.315.000 tấn, trong đó Hà Nội sản xuất 867.500 tấn (tương ứng với khoảng 66%), các tỉnh cung cấp 447.500 tấn (tương ứng với khoảng 34%); Phát triển trên 200 chuỗi cung ứng có xác nhận, kết nối chặt chẽ các khâu.

\* **Tầm nhìn 2045:** Hà Nội trở thành mô hình điển hình về nông nghiệp đô thị: cung cấp đủ RAT chất lượng cao cho dân thành phố, gắn với thương hiệu bền vững, chuyển đổi số và xanh theo Luật Thủ đô mới.

### **3.3. Đề xuất các giải pháp phát triển chuỗi cung ứng rau an toàn của các doanh nghiệp bán lẻ trên địa bàn Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

#### ***3.3.1. Nâng cao nhận thức và năng lực cho các thành viên trong chuỗi cung ứng rau an toàn***

##### ***3.3.1.1. Nâng cao nhận thức về chất lượng cho các thành viên trong chuỗi***

Đối với nhà sản xuất (hộ nông dân, HTX/THT); Đối với bán thân doanh nghiệp bán lẻ; Đối với người tiêu dùng:

### ***3.3.1.2. Nâng cao năng lực cho các thành viên trong chuỗi***

Nâng cao năng lực lập kế hoạch và quản lý sản xuất cho các nhà sản xuất; Tăng cường năng lực dự báo và phân tích thị trường tiêu thụ của các nhà sản xuất và DN bán lẻ; Nâng cao kỹ năng quản trị chuỗi cung ứng cho HTX và DN nhỏ; Áp dụng công nghệ số trong quản trị sản xuất và tiêu thụ đối với các nhà sản xuất và DN bán lẻ.

### ***3.3.2. Thúc đẩy phát triển quy mô chuỗi cung ứng rau an toàn***

#### ***3.3.2.1. Thúc đẩy sản xuất trong chuỗi cung ứng rau an toàn***

Kết nối, hợp tác, đầu tư với các hộ nông dân, THT, HTX ở các khu vực; Nâng cấp hạ tầng sau thu hoạch; Tăng cường tổ chức sản xuất theo chuỗi.

#### ***3.3.2.2. Thúc đẩy phân phối trong chuỗi cung ứng rau an toàn***

- Mở rộng hệ thống phân phối đa kênh; Phát triển logistics lạnh và chuỗi vận chuyển chuyên dụng; Tăng cường truy xuất nguồn gốc trong phân phối; Xây dựng thương hiệu và truyền thông về RAT

#### ***3.3.2.3. Liên kết phát triển các vùng vệ tinh quanh khu vực Hà Nội***

- Doanh nghiệp bán lẻ dựa trên quy hoạch vùng vệ tinh trọng điểm về RAT đã được chính quyền xác lập để thiết lập cơ chế liên kết vùng bền vững; Doanh nghiệp bán lẻ phối với chính quyền địa phương đầu tư hạ tầng đồng bộ tại vùng vệ tinh; Phát triển cơ chế chia sẻ thông tin chuỗi

### ***3.3.3. Phát triển hệ thống dây chuyền lạnh trong chuỗi cung ứng rau an toàn***

- Xây dựng và hiện đại hóa cơ sở bảo quản tại vùng sản xuất; Đầu tư phương tiện vận chuyển lạnh; Thiết lập trung tâm phân phối có kiểm soát nhiệt độ; Ứng dụng công nghệ quản lý dây chuyền lạnh.

### ***3.3.4. Thúc đẩy sự hợp tác giữa các thành viên trong chuỗi cung ứng rau an toàn***

Xây dựng cơ chế liên kết chặt chẽ giữa các thành viên; Thiết lập đầu mối phối hợp chuỗi; Phối hợp trong giám sát chất lượng và

truy xuất nguồn gốc; Hợp tác chia sẻ chi phí và lợi ích; Phối hợp trong marketing – phát triển thương hiệu vùng.

### ***3.3.5. Thúc đẩy sự nâng cao vị thế của doanh nghiệp bán lẻ trong chuỗi cung ứng rau an toàn***

Doanh nghiệp bán lẻ giữ vai trò “điều phối chuỗi” thông qua các hoạt động; Tăng đầu tư vào kiểm soát chất lượng và truy xuất nguồn gốc; Phát triển thương hiệu vùng sản xuất gắn với doanh nghiệp; Xây dựng thương hiệu vùng rau an toàn ; Chủ động tổ chức hoạt động logistics và tiêu thụ; Xây dựng hệ thống phân phối chuyên biệt; Thúc đẩy hợp tác nghiên cứu, đổi mới sáng tạo chuỗi cung ứng

### **3.4. Một số khuyến nghị**

Để chuỗi cung ứng RAT trên địa bàn Hà Nội đem lại kết quả hoạt động tốt hơn, xin có một số kiến nghị với Chính phủ và các cơ quan hữu quan như sau:

#### ***3.4.1. Hoàn thiện các chính sách và cơ chế hỗ trợ hữu hiệu cho mặt hàng rau an toàn***

Chính sách hỗ trợ cho các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp như sau: Quy hoạch và mở rộng vùng chuyên canh RAT; Quy hoạch và xác định vùng vệ tinh trọng điểm; Sử dụng các công cụ tài chính của Nhà nước; Có chính sách thuế hỗ trợ đối với các doanh nghiệp; Tăng cường quản lý thị trường; Có quy trình rõ ràng, minh bạch trong công tác kiểm tra, giám sát, chứng nhận về chất lượng sản phẩm RAT.

#### ***3.4.2. Phát huy vai trò kiểm soát của các cơ quan chính quyền TP.Hà Nội***

Việc tăng cường vai trò kiểm soát của chính quyền địa phương cần triển khai đồng bộ các nội dung: Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm và quy định pháp lý; Tăng cường năng lực kiểm tra, giám sát; Phát triển hệ thống truy xuất nguồn gốc và hạ tầng dữ liệu; Tăng cường phối hợp liên ngành trong kiểm soát chuỗi; Tăng cường công khai thông tin và minh bạch hóa thị trường; Tăng cường ứng dụng công nghệ trong quản lý nhà nước

### **3.4.3. Phát huy vai trò kết nối của các tổ chức và hiệp hội trong phát triển chuỗi cung ứng rau an toàn trên địa bàn TP.Hà Nội**

- Đối với liên minh HTX thành phố Hà Nội
- Đối với hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa thành phố Hà Nội
- Hội tiêu chuẩn và bảo vệ người tiêu dùng thành phố Hà Nội

## **KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

**Từ nghiên cứu của luận án, tác giả luận án đưa ra một số kết luận như sau:**

(1) Luận án đã đưa ra, làm rõ và bổ sung cơ sở lý luận về doanh nghiệp bán lẻ RAT, chuỗi cung ứng RAT của các doanh nghiệp bán lẻ, phát triển chuỗi cung ứng RAT của các doanh nghiệp bán lẻ. Luận án cũng đưa ra và làm rõ về các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển chuỗi cung ứng RAT của các doanh nghiệp bán lẻ.

(2) Kết quả nghiên cứu định tính đã cho thấy thực trạng phát triển chuỗi cung ứng RAT của các doanh nghiệp bán lẻ trên địa bàn Hà Nội ngày càng hiệu quả, đem lại lợi ích cho tất cả các thành viên trong chuỗi.

(3) Xây dựng và tiến hành kiểm định mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển chuỗi cung ứng RAT của các DN bán lẻ trên địa bàn Hà Nội gồm 6 nhóm nhân tố độc lập với 30 biến quan sát.

(4) Kết quả kiểm định bằng công cụ thống kê phần mềm AMOS cho thấy các nhân tố được lựa chọn đã giải thích được 64,7% sự biến thiên của phát triển chuỗi cung ứng RAT của các DN bán lẻ Hà Nội. Điều này lý giải cho việc còn những nhân tố khác ảnh hưởng tới sự phát triển chuỗi cung ứng mà tác giả chưa đề cập tới trong kiểm định, mở ra hướng cho những nghiên cứu tiếp theo.

(5) Luận án cũng đưa ra các đề xuất giải pháp phát triển chuỗi cung ứng RAT của các doanh nghiệp bán lẻ trên địa bàn Hà Nội.

**Những hạn chế của nghiên cứu và kiến nghị hướng nghiên cứu tiếp theo:**

- (1) Khó khăn trong việc thu thập thông tin.

(2) Trong nghiên cứu định lượng, luận án chỉ chọn ra những nhân tố chính nên kết quả nghiên cứu chưa phản ánh hết các nội dung và có thể gây tranh cãi.

(3) Đối tượng khảo sát được chọn ngẫu nhiên là các cơ sở sản xuất và các DN bán lẻ RAT tại các hội thảo, tọa đàm về nông nghiệp, RAT của Hà Nội và tại các siêu thị, cửa hàng RAT nên tính đại diện còn có phần hạn chế.

(4) Trong nghiên cứu về thực trạng phát triển chuỗi cung ứng RAT, do hạn chế về thời gian và nguồn lực nên chưa có được các dữ liệu cụ thể để đưa ra và đo lường các chỉ tiêu đánh giá sự phát triển chuỗi cung ứng RAT của các DNBL.

Tác giả kiến nghị trong các nghiên cứu tiếp theo có thể mở rộng nghiên cứu sự phát triển chuỗi cung ứng cho các loại nông sản khác ngoài RAT, tại nhiều địa phương khác; Nghiên cứu mở rộng mô hình, tìm thêm các nhân tố ảnh hưởng để kiểm định; Mở rộng thành phần nghiên cứu chứ không chỉ tập trung vào thành phần doanh nghiệp bán lẻ RAT, từ đó có các giải pháp toàn diện hơn.

## DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ

1. Nguyễn Thị Hương, Nguyễn Thị Huế (2022), *Exporting Vietnamese agricultural products to EU market: opportunities and challenges*, Hội thảo quốc tế “Định hướng chiến lược, chính sách xuất nhập khẩu hàng hóa phục vụ mục tiêu phát triển bền vững ở Việt Nam đến năm 2030”, Viện nghiên cứu Chiến lược, Chính sách công thương, ISBN: 978-604-311-864-3.

2. Hoang Thanh Tung, Nguyen Thi Huong, Nguyen Duc Duong Phong (2022), *Factors affecting consumers' intention to buy organic food in Hanoi*, Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương, Số 473-Tháng 10/2022, ISSN: 0868-3808.

3. Hoang Thanh Tung, Truong Tri Tai, Nguyen Thi Huong (2023), *Survey results of the factors affecting organic food purchase intention of consumers*, GPH-International Journal of Business Management, Vol. 06 Issue 09 Sept – 2023, e-ISSN 2795-3257; p-ISSN 2795-3236.

4. Hoang Thanh Tung, Nguyen Thi Huong, Tran Van Thoi (2024), *The relationship among tea export value, total export value, and Vietnam's economic growth: perspective from quantitative analysis*, CODI 2024

“International conference on commerce and distribution Sustainable development in trade and distribution”, ISBN: 978-604-492-114-3.

5. Nguyen Thi Huong (2025), *Factors influencing the safe vegetable supply chain: A case study in Ha Noi City*, Tạp chí Tài chính, Vol 7- Issue 2 - 2025, ISSN-2615-8981.

6. Nguyễn Thị Hương (2025), *Xây dựng mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển chuỗi cung ứng rau an toàn*, số 11 (6/2025), Tạp chí Kinh tế và Dự báo, ISSN: 1859-4972.

7. Nguyễn Thị Hương (2025), *Xu thế chuyển đổi kép trong chuỗi cung ứng rau an toàn trên địa bàn Hà Nội*, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, e-ISSN: 2734-9365.